

Bình tra dầu MS12-LOE

FESTO



Đặc trưng

Tổng quan

Dòng máy rất nhỏ gọn để sử dụng liên quan đến quá trình trực tiếp trong máy

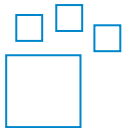
- Kích thước lưới: 124mm
- Bình tra dầu tỷ lệ với định lượng dầu chính xác
- Giảm mài mòn trên các bộ truyền động chịu áp lực cao
- Tốc độ dòng chảy cao
- Nạp dầu đơn giản và nhanh chóng ngay cả khi đang vận hành (dưới áp suất)

Các loại dầu sau đây được khuyên dùng cho thiết bị Festo (phạm vi độ nhớt theo ISO 3448, cấp ISO VG 32, 32 mm²/s (= cSt) ở 40°C):

- Dầu đặc biệt Festo OFSW-32 (xem phụ kiện)
- Castrol HySpin ZZ 32
- BP Energol HLP 32
- Mobil Nuto H 32
- Mobil DTE 24
- Shell Tellus S2 MA 32

Thông tin đặt hàng - hệ thống mô-đun

liên kết [ms12-loe](#)



Sản phẩm có thể cấu hình

Sản phẩm này và tất cả các tùy chọn sản phẩm của nó có thể được đặt hàng thông qua trình cấu hình.

Biểu đồ

liên kết [ms12-loe](#)



Các sơ đồ hiển thị trong tài liệu này cũng có sẵn trực tuyến. Ở đó nó có thể hiển thị các giá trị chính xác.

Chức năng

Bộ cấp dầu tỷ lệ cung cấp cho khí nén một lượng dầu đã được định lượng chính xác. Sự giảm áp suất phát sinh khi dòng chảy qua vòi Venturi được sử dụng để bơm dầu từ thùng chứa đến nắp nhỏ giọt. Từ đó, giọt dầu chảy vào ống dẫn khí ngay phía sau van tỷ lệ, nơi nó được nguyên tử hóa. Tỷ lệ sương dầu tỷ lệ thuận với tốc độ dòng khí nén.

Cổng nối khí nén

Nhờ việc lắp đặt các tấm kết nối giúp việc thay thế mô-đun trở nên dễ dàng hơn khi cần thiết (ví dụ: khi sử dụng đường ống).

Thiết kế vỏ

Bảo vệ vỏ bằng vỏ kim loại tích hợp.

Kiểu gắn

[WP] Thiết kế cơ bản của góc gắn



- Phần tử gắn và kết nối cho tổ hợp thiết bị bảo dưỡng hoặc cho thiết bị đơn có tấm kết nối
- Cho kích thước 4, 6, 9 hoặc 12

Đặc trưng

Hướng dòng chảy

Có sẵn với hướng dòng chảy ngược lại.

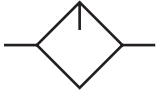
Mã mẫu

001	Dòng	
MS	Dòng MS	
002	Kích thước	
12	Kích thước lưới 124mm	
003	Chức năng	
LOE	Bộ bôi trơn khí nén	
004	Cổng nối khí nén	
AGF	Tấm kết nối G1	
AGG	Tấm kết nối G1 1/4	
AGH	Tấm kết nối G1 1/2	
AGI	Tấm kết nối G2	
G	Mô-đun không có ren nối, không có tấm kết nối	

005	Thiết kế vỏ	
U	Vỏ kim loại	
006	Kiểu gắn	
	Không có góc gắn	
WP	Thiết kế cơ bản của góc gắn	
007	Hướng dòng chảy	
	Hướng dòng chảy từ trái sang phải	
Z	Hướng dòng chảy từ phải sang trái	

Bảng dữ liệu

Dữ liệu kỹ thuật chung



Cổng nối khí nén 1	trong
Cổng nối khí nén 2	trong
Cấu trúc xây dựng	Bộ bôi trơn phun sương tiêu chuẩn định lượng
Kiểu gắn	tùy ý: Lắp đặt đường dây với góc giữ với phụ kiện
Vị trí lắp đặt	đọc $\pm 5^\circ$
Bảo vệ vỏ	tích hợp như một vỏ kim loại
Lưu lượng tối thiểu cho chức năng tra dầu	400 l/ph
Dung tích dầu tối đa	1.500 cm ³

Đòng chảy danh định bình thường qnN

Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) ¹⁾	20.000 ... 22.000 l/ph
--	------------------------

1) theo hướng dòng chảy chính 1-2;

Đo tại p₁ = 6 bar và Δp = 1 bar.

Tùy thuộc vào tấm kết nối đã chọn, nó phải được đặt hàng riêng dưới dạng phụ kiện → Thông tin thêm www.festo.com/catalogue/ms12-ag

Các điều kiện vận hành và môi trường

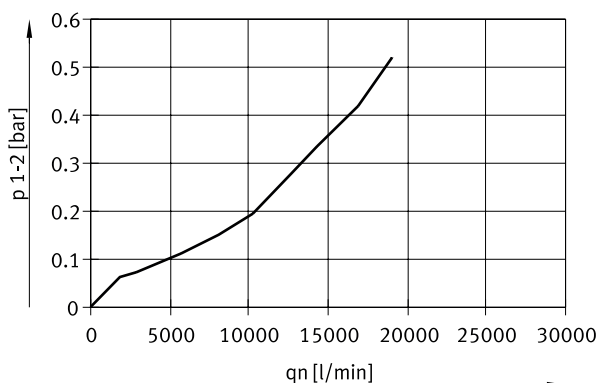
Áp suất vận hành	1 ... 16 bar
Môi chất vận hành	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]
Nhiệt độ môi trường xung quanh	0 ... 60°C
Nhiệt độ trung bình	0 ... 60°C
Nhiệt độ bảo quản	-10 ... 60°C
Lớp chống ăn mòn KBK ²⁾	2 - bị ăn mòn vừa phải

2) Thông tin thêm www.festo.com/x/topic/kbk

Vật liệu

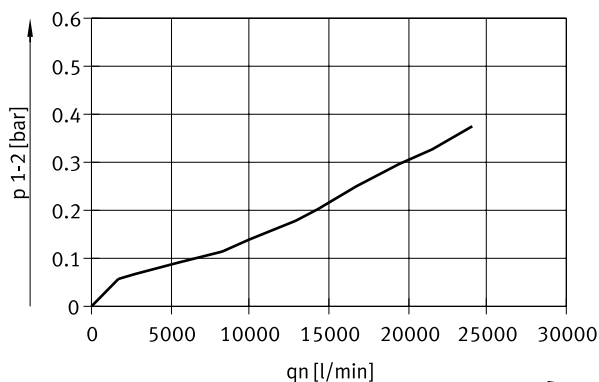
Thiết kế vỏ	Vỏ kim loại
Vật liệu vỏ	Nhôm đúc áp lực
Vật liệu vỏ	Hợp kim nhôm rèn
Vật liệu của phớt	NBR
Tuân thủ LABS	VDMA24364-B1/B2-L

Lưu lượng bình thường qn tùy thuộc vào chênh lệch áp suất p₁₋₂ (với kết nối khí nén G1 với tấm kết nối MS12-AGF)

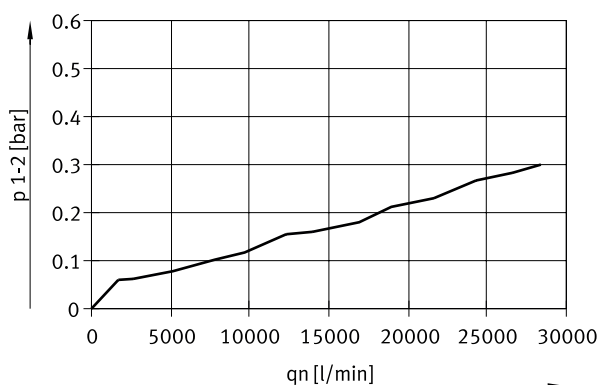


Bảng dữ liệu

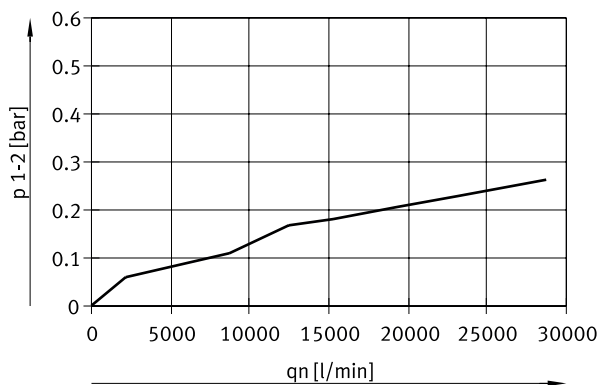
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất p_{1-2} (với kết nối khí nén G1 1/4 với tấm kết nối MS12-AGG)



Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất p_{1-2} (với kết nối khí nén G1 1/2 với tấm kết nối MS12-AGH)



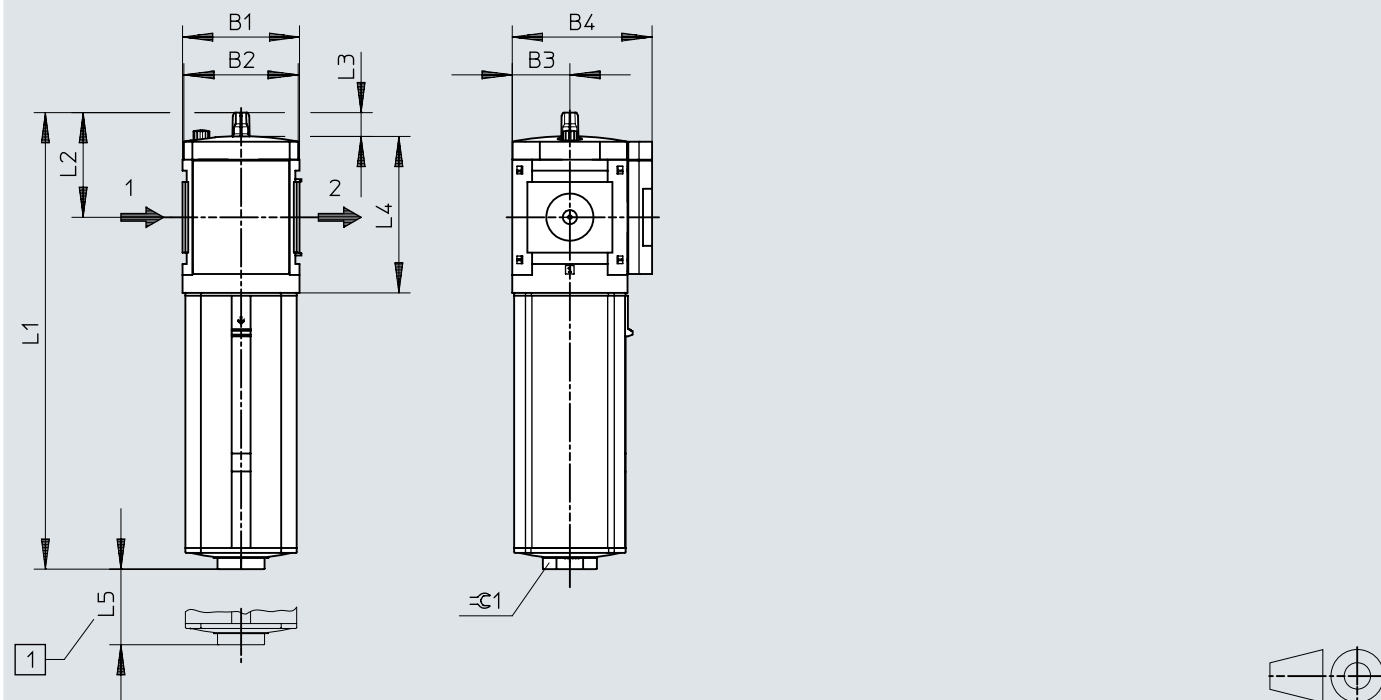
Lưu lượng bình thường q_n tùy thuộc vào chênh lệch áp suất p_{1-2} (kết nối khí nén G2 với tấm kết nối MS12-AGI)



Kích thước

Kích thước – Loại cơ bản

Tải xuống dữ liệu CAD www.festo.com



[1] Kích thước cài đặt

	B1	B2	B3	B4	L1	L2	L3	L4	L5	⌀1
MS12-LOE	124	122	61	148	483	111	25	166	300	50

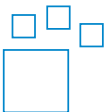
Thông tin đặt hàng

Thông tin đặt hàng



Cổng nối khí nén 1	Thiết kế vỏ	Hướng dòng chảy	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
trong	Vỏ kim loại	Hướng dòng chảy từ trái sang phải	6.500 g	537156	MS12-LOE-G-U

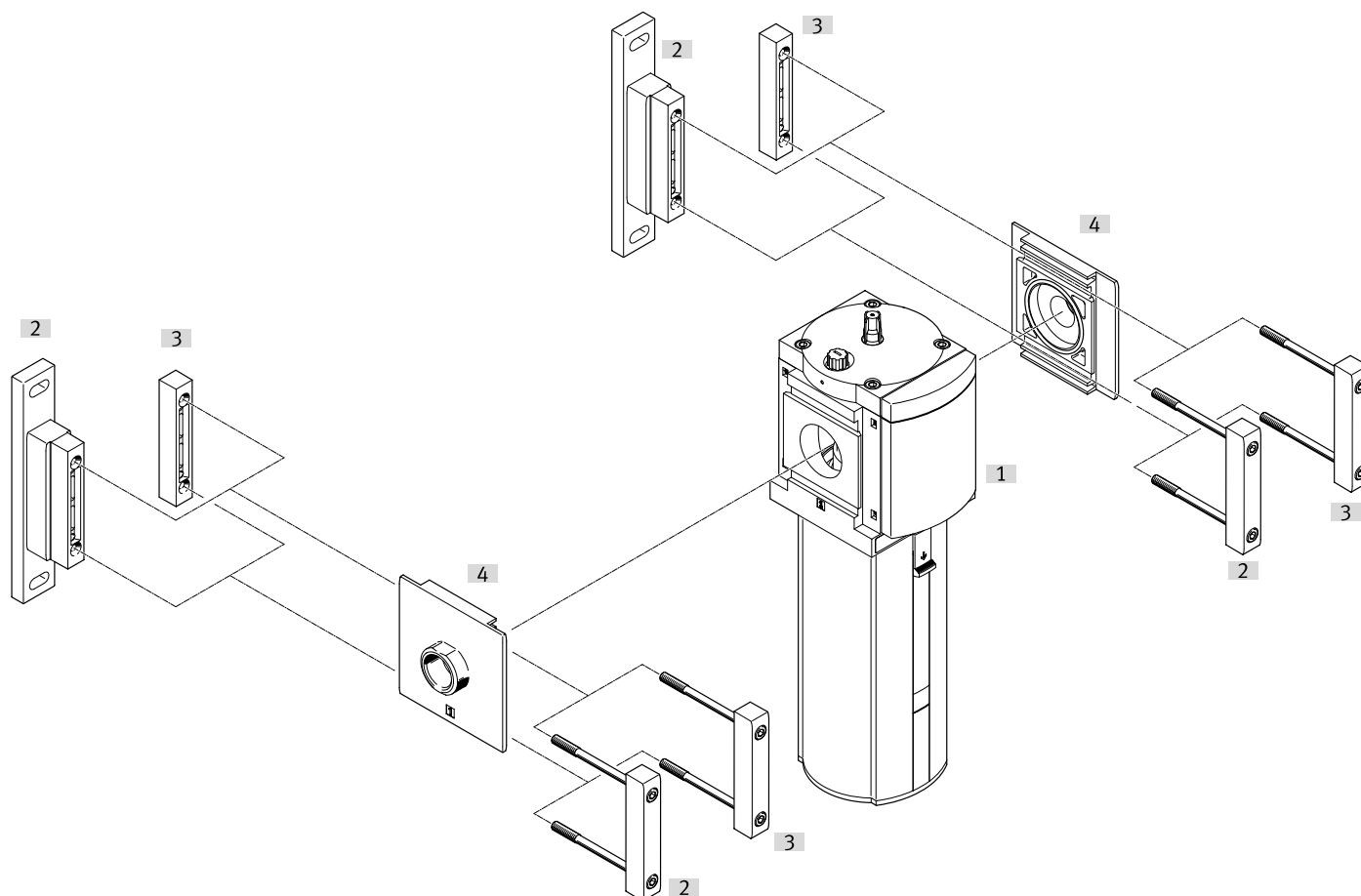
Thông tin đặt hàng - hệ thống sản phẩm mô-đun



Viết tắt loại	Số bộ phận	Loại
MS12	535041	MS12-LOE

Tổng quan về thiết bị ngoại vi

Tổng quan về thiết bị ngoại vi



Phụ kiện		→ Trang/Internet
Loại/mã đơn hàng	Miêu tả	
[1] Bộ bôi trơn MS12-LOE		ms12-loe
[2] Bộ tấm kết nối MS12-AG...	cho các kết hợp thiết bị	10
[3] Bộ đầu nối mô-đun MS12-MV	cho các tổ hợp thiết bị và các thiết bị riêng lẻ có tấm kết nối	10
[4] Bát gá MS12-WP	cho thiết bị đơn	10

Phụ kiện

Bộ đầu nối mô-đun MS12-MV



Kích thước	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
12	500 g	537134	MS12-MV

Bắt gá MS12-WP



Kích thước	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
12	700 g	537133	MS12-WP

Bộ tấm kết nối MS12-AG...



Kích thước	Cổng nối khí nén 1	trọng lượng sản phẩm	Số bộ phận	Loại
12	G1	1.300 g	537135	MS12-AGF
	G1 1/4		537136	MS12-AGG
	G1 1/2		537137	MS12-AGH
	G2		537138	MS12-AGI

Dầu đặc biệt OFSW (1 lít)



Viết tắt loại	Tuân thủ LABS	Số bộ phận	Loại
OFSW	VDMA24364-B2-L	152811	OFSW-32